

Bản quyền thuộc về Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng (HASECO)

BẢN TIN SÁNG

Ngày 04.05.2026



1. VĨ MÔ THẾ GIỚI

Ông Powell kết thúc nhiệm kỳ 8 năm làm Chủ tịch FED và vẫn tiếp tục giữ vai trò Thống đốc

Chủ tịch Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) Jerome Powell cho biết sẽ tiếp tục giữ vai trò Thống đốc sau khi nhiệm kỳ Chủ tịch kết thúc vào ngày 15/5/2026, trong khi nhiệm kỳ tại Hội đồng Thống đốc kéo dài đến năm 2028. Quyết định này đi ngược thông lệ khi các Chủ tịch Fed thường rời khỏi Hội đồng sau khi kết thúc nhiệm kỳ lãnh đạo.

Powell cho biết việc ở lại nhằm đảm bảo các rủi ro pháp lý xung quanh Fed được giải quyết, trong bối cảnh cơ quan này đang đối mặt với áp lực từ chính quyền Tổng thống Donald Trump liên quan đến các vấn đề pháp lý và tính độc lập chính sách tiền tệ. Dù Bộ Tư pháp Mỹ đã hủy cuộc điều tra hình sự, vẫn tồn tại khả năng tái khởi động, khiến môi trường pháp lý chưa hoàn toàn ổn định.

Diễn biến này diễn ra khi Kevin Warsh – ứng viên Chủ tịch Fed mới – đã được Ủy ban Ngân hàng Thượng viện thông qua và chờ phê chuẩn. Một số ý kiến cho rằng sự hiện diện của Powell có thể ảnh hưởng đến định hướng chính sách của Ủy ban Thị trường Mở (FOMC), đặc biệt trong bối cảnh tranh luận về lãi suất.

HASECO đánh giá:

Quyết định ở lại của ông Powell mang tính bảo vệ thể chế hơn là thay đổi chính sách. Điều này không tác động trực tiếp đến việc điều hành nhưng có ý nghĩa trong việc duy trì tính liên tục và độc lập của Fed.

Bên cạnh đó, hướng đi của Fed trong thời gian tới là khó dự báo khi Kevin Warsh – ứng viên Chủ tịch Fed được xem là người có lập trường cứng rắn trong việc hạ lãi suất, đặc biệt trong giai đoạn ông là thống đốc FED 2006-2011. Nhưng điều đó đi ngược lại với mong muốn của Tổng thống Trump – người giới thiệu ông vào vị trí này.



Ông Jerome Powell rời cuộc họp báo cuối cùng trong vai trò Chủ tịch Fed ngày 29/4/2026



1. VĨ MÔ THẾ GIỚI

ĐHCĐ Berkshire Hathaway: Huyền thoại Warren Buffett lần đầu không tham gia điều hành

Đại hội cổ đông thường niên của Berkshire Hathaway diễn ra ngày 3/5/2026 đánh dấu một thời khắc lịch sử khi "nhà hiền triết xứ Omaha" Warren Buffett không còn tham gia điều hành chính trên sân khấu, nhường lại vị trí trung tâm cho người kế nhiệm Greg Abel. Sau 6 thập kỷ chèo lái tập đoàn, quyết định nghỉ hưu của Buffett đã mở ra một chương mới cho Berkshire Hathaway, với cam kết giữ vững di sản và văn hóa đầu tư truyền thống.

Tập đoàn Berkshire Hathaway công bố lợi nhuận ròng quý 1 đạt 10.11 tỷ USD, tăng hơn gấp đôi so với cùng kỳ, trong khi lợi nhuận hoạt động đạt 11.35 tỷ USD, tăng 18%. Kết quả này một phần đến từ việc giảm các khoản lỗ đầu tư, đồng thời ghi nhận tăng trưởng đồng đều tại các mảng kinh doanh gồm đường sắt, năng lượng, sản xuất, dịch vụ, bán lẻ và bảo hiểm.

Đây là quý đầu tiên dưới sự điều hành của CEO Greg Abel, người chính thức kế nhiệm Warren Buffett từ tháng 1/2026. Tại đại hội cổ đông thường niên, Abel nhấn mạnh cam kết duy trì văn hóa doanh nghiệp, đồng thời cho biết tập đoàn bắt đầu ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong một số hoạt động như đường sắt BNSF.

Về hoạt động đầu tư, Berkshire tiếp tục bán ròng cổ phiếu quý thứ 14 liên tiếp, với giá trị bán ra 24.1 tỷ USD và mua vào 15.9 tỷ USD. Danh mục đầu tư lớn vẫn bao gồm American Express, Apple, Bank of America, Coca-Cola và Chevron. Đáng chú ý, tập đoàn đã quay lại mua cổ phiếu quỹ sau 6 quý gián đoạn.

Kho tiền mặt và tín phiếu kho bạc đạt mức kỷ lục 381.1 tỷ USD, tăng gần 2% so với cuối năm 2025. Trong khi đó, cổ phiếu hạng A giảm 5.9% từ đầu năm và thấp hơn đỉnh 12 tháng trước.



Warren Buffett ngồi theo dõi ở hàng ghế đầu cùng các thành viên hội đồng quản trị



2. VĨ MÔ TRONG NƯỚC

CPI Việt Nam tháng 4 tăng 0.84%, nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 2.59% dẫn dắt lạm phát

Cục Thống kê (Bộ Tài chính) cho biết chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 4/2026 tăng 0.84% so với tháng trước, trong đó khu vực thành thị tăng 0.83% và nông thôn tăng 0.86%. Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ, có 10 nhóm tăng giá, riêng nhóm giao thông giảm.

Động lực chính đến từ nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 2.59%, đóng góp 0.59 điểm phần trăm vào CPI chung. Giá dầu hỏa tăng 26.95% theo xu hướng năng lượng toàn cầu, trong khi vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 4.11% do chi phí đầu vào và vận chuyển gia tăng. Giá gas tăng 35.3%, đóng góp thêm 0.46 điểm phần trăm, cùng với giá thuê nhà tăng 0.79% và chi phí sửa chữa nhà tăng 1.93%.

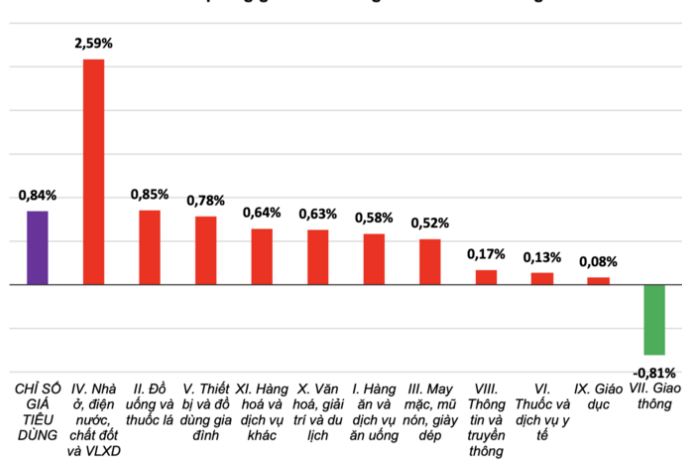
Ở chiều ngược lại, giá vàng trong nước giảm 6.71% theo xu hướng thế giới, trong khi chỉ số USD quốc tế giảm 0.73%. Tuy nhiên, tỷ giá USD trong nước vẫn tăng 0.17% so với tháng trước, đạt khoảng 26,360 VND/USD.

Tính chung 4 tháng đầu năm, CPI tăng 3.99% YoY, trong khi lạm phát cơ bản tăng 3.89%, thấp hơn mức CPI chung do ảnh hưởng từ biến động giá năng lượng và thực phẩm.

HASECO đánh giá:

Áp lực lạm phát gia tăng chủ yếu đến từ yếu tố chi phí đầu vào, đặc biệt là năng lượng và vật liệu xây dựng, mang tính ngắn hạn hơn là cầu kéo. Diễn biến không bất ngờ trong bối cảnh giá năng lượng toàn cầu tăng. Trong các tháng tới, áp lực lạm phát phụ thuộc vào diễn biến giá dầu và nhu cầu xây dựng trong nước, trong khi lạm phát cơ bản vẫn được kiểm soát. Rủi ro chính là vòng xoáy chi phí đẩy kéo dài, gây áp lực lên chính sách tiền tệ.

Hình 1. Tốc độ tăng/giảm CPI tháng 4/2026 so với tháng trước



Các cấu phần trong chỉ số giá tiêu dùng tháng 4/2026



2. VĨ MÔ TRONG NƯỚC

Ngân hàng Nhà nước đề xuất sửa Thông tư quan trọng bậc nhất ngành ngân hàng

Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đang lấy ý kiến dự thảo Thông tư thay thế Thông tư 22/2019/TT-NHNN về các tỷ lệ an toàn, trong đó đề xuất chuyển từ chỉ tiêu "tỷ lệ dư nợ cho vay trên tổng tiền gửi" (LDR) sang "tỷ lệ dư nợ cấp tín dụng so với huy động vốn" (CDR). Chỉ tiêu mới được xác định trên cơ sở tổng dư nợ cấp tín dụng và tổng nguồn vốn huy động, bao gồm cả trái phiếu doanh nghiệp và các cam kết ngoại bảng ở phía tín dụng, cũng như các nguồn vốn ngoài tiền gửi.

Dự thảo vẫn duy trì trần CDR tối đa 85%, tương tự quy định hiện hành. Đối với tiền gửi Kho bạc Nhà nước, cách tính được điều chỉnh khi chỉ tính 80% tiền gửi có kỳ hạn vào nguồn vốn huy động, trong khi tiền gửi không kỳ hạn không được tính.

Ngoài ra, NHNN bổ sung các chỉ tiêu theo chuẩn Basel III gồm tỷ lệ đòn bẩy (LEV), tỷ lệ khả năng chi trả (LCR) và tỷ lệ nguồn vốn ổn định ròng (NSFR). Lộ trình áp dụng bắt buộc LCR và NSFR từ ngày 01/01/2028, với yêu cầu tối thiểu 100%, đồng thời cho phép các ngân hàng đăng ký áp dụng sớm nếu đáp ứng điều kiện kiểm toán và quản trị nội bộ.

HASECO đánh giá:

Thông tin này tốt cho nhóm ngân hàng quốc doanh có lượng tiền gửi kho bạc lớn như VCB, CTG, BID. Việc thay đổi sang CDR phản ánh cách tiếp cận toàn diện hơn về rủi ro tín dụng và thanh khoản, đồng thời duy trì trần 85% giúp hạn chế tác động đột ngột. Bên cạnh đó, việc bổ sung Basel III là bước nâng chuẩn hệ thống nhưng có lộ trình dài, giảm áp lực ngắn hạn.



Ảnh: Ngân hàng nhà nước Việt Nam



3. CỔ PHIẾU

Hóa chất Đức Giang (HOSE: DGC) báo lợi nhuận quý 1 giảm 48.6% khi tạm dừng khai thác Khai trường 25

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang (HOSE: DGC) ghi nhận doanh thu thuần quý 1/2026 đạt 2,125 tỷ đồng, giảm 24% YoY, trong khi lợi nhuận sau thuế đạt 430 tỷ đồng, giảm 48.6%. Biên lợi nhuận gộp thu hẹp xuống 23%, giảm 11.9 điểm phần trăm so với cùng kỳ, phản ánh áp lực chi phí đầu vào gia tăng.

Nguyên nhân chính đến từ việc giá nguyên liệu như lưu huỳnh, điện, than cốc và amoniac tăng mạnh, trong đó giá lưu huỳnh tăng gấp 3 lần. Đồng thời, Khai trường 25 tạm dừng hoạt động khiến doanh nghiệp phải chuyển sang sử dụng quặng nhập khẩu và mua ngoài, làm gia tăng giá vốn sản xuất phốt pho vàng.

Chi phí vận chuyển cũng tăng do căng thẳng địa chính trị, tiếp tục gây áp lực lên hiệu quả hoạt động.

Dòng tiền kinh doanh ghi nhận âm 1,093 tỷ đồng, đảo chiều so với mức dương 345 tỷ đồng cùng kỳ, chủ yếu do chi trả cổ tức tiền mặt hơn 1,139 tỷ đồng. Tuy nhiên, doanh nghiệp vẫn duy trì cấu trúc tài sản thanh khoản cao với tổng tài sản 18,093 tỷ đồng, trong đó tiền và tiền gửi đạt 11,255 tỷ đồng, chiếm 62.2%.

DGC đang triển khai dự án Nhà máy hóa chất Nghi Sơn với tổng vốn đầu tư 2,400 tỷ đồng, chi phí xây dựng dở dang đạt 944.5 tỷ đồng tại cuối quý 1.

HASECO đánh giá:

Nguyên nhân khá rõ khiến lợi nhuận DGC suy giảm là Khai trường 25 tạm dừng khai thác nên phải nhập quặng bên ngoài giá cao. Điểm sáng là doanh nghiệp vẫn đang tiếp tục vận hành và sẽ tổ chức bầu thêm thành viên HĐQT vào ngày 08/05. Ngoài ra, DGC là doanh nghiệp có tài chính lành mạnh với 10,000 tỷ tiền mặt ròng. Chúng tôi đưa ra quan điểm theo dõi với cổ phiếu DGC.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Mẫu số B 02 - DNHN

Mã	Thuyết minh	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT QUÝ I QUÝ I		Lý do từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		2025VND	2025VND	2025VND	2025VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.125.495.198.007	2.811.731.931.521	2.125.495.198.007	2.811.731.931.521
02	Các khoản giảm trừ	(904.427.365)	(1.092.026.114)	(904.427.365)	(1.092.026.114)
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.124.590.770.642	2.810.639.805.407	2.124.590.770.642	2.810.639.805.407
11	Chi phí hàng bán	(1.635.926.260.152)	(1.830.468.653.593)	(1.635.926.260.152)	(1.830.468.653.593)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	488.664.510.490	980.170.651.814	488.664.510.490	980.170.651.814
21	Doanh thu hoạt động tài chính	172.084.226.682	164.569.313.746	172.084.226.682	164.569.313.746
22	Chi phí tài chính	(2.915.560.462)	(15.224.216.267)	(2.915.560.462)	(15.224.216.267)
23	- Trong đó: chi phí lãi vay	(6.603.199.308)	(6.894.545.308)	(6.603.199.308)	(6.894.545.308)
25	Chi phí bán hàng	(66.110.896.868)	(110.102.503.710)	(66.110.896.868)	(110.102.503.710)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(51.329.091.567)	(41.548.800.896)	(51.329.091.567)	(41.548.800.896)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	561.393.180.275	977.864.444.687	561.393.180.275	977.864.444.687
31	Thu nhập khác	2.660.971.956	1.097.866.820	2.660.971.956	1.097.866.820
32	Chi phí khác	(6.492.970.180)	(1.049.486.088)	(6.492.970.180)	(1.049.486.088)
40	Lợi nhuận khác	(3.831.998.225)	48.387.732	(3.831.998.225)	48.387.732
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	497.561.182.956	977.912.812.419	497.561.182.956	977.912.812.419
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	(64.676.062.960)	(142.756.261.694)	(64.676.062.960)	(142.756.261.694)
52	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(2.834.894.210)	1.635.532.809	(2.834.894.210)	1.635.532.809
59	Lợi nhuận sau thuế TNDN	430.050.204.886	836.790.083.534	430.050.204.886	836.790.083.534
61	Phần bổ sung:				
62	Cổ đông nắm công lý mẹ	408.823.552.715	809.334.908.466	408.823.552.715	809.334.908.466
70	Cổ đông không kiểm soát	21.226.652.165	27.455.175.068	21.226.652.165	27.455.175.068
76	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.012	1.012	1.012	1.012
77	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	23(b)	1.012	23(b)	1.012

Nguyễn Thị Hồng Đức
Người lập

Trương Thị Loan
Phụ trách kế toán

Lưu Bích Đạt
Tổng giám đốc

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 41 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất năm 2026
Ngày 23 tháng 4 năm 2026

Báo cáo tài chính hợp nhất quý 1/2026 của DGC



3. CỔ PHIẾU

Vietcombank (HOSE: VCB) báo LNTT 11,803 tỷ đồng quý 1, tăng 9%, nợ nghi ngờ tăng gấp 7 lần

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (HOSE: VCB) ghi nhận lợi nhuận trước thuế quý 1/2026 đạt gần 11,803 tỷ đồng, tăng 9% so với cùng kỳ, trong bối cảnh tăng mạnh trích lập dự phòng rủi ro tín dụng. Thu nhập lãi thuần đạt 17,651 tỷ đồng, tăng 29% YoY, trong khi lãi từ dịch vụ và hoạt động khác lần lượt tăng 17% và 29%. Ngược lại, lãi từ kinh doanh ngoại hối giảm 17% xuống 1,677 tỷ đồng và hoạt động chứng khoán đầu tư chuyển từ lãi sang lỗ.

Chi phí hoạt động tăng 22% lên 6,884 tỷ đồng, kéo lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh tăng 23% đạt 14,296 tỷ đồng. Tuy nhiên, ngân hàng đã tăng gấp 7 lần chi phí dự phòng lên hơn 2,493 tỷ đồng, qua đó làm giảm tốc độ tăng trưởng lợi nhuận.

Tính đến cuối quý 1, tổng tài sản đạt 2.55 triệu tỷ đồng (+4%), dư nợ cho vay tăng 5% lên 1.75 triệu tỷ đồng, trong khi tiền gửi khách hàng chỉ tăng 1% lên 1.68 triệu tỷ đồng. Tổng nợ xấu tăng 12% lên 10,868 tỷ đồng, trong đó nợ nghi ngờ tăng gấp 7 lần lên 1,586 tỷ đồng và nợ có khả năng mất vốn chiếm 76% tổng nợ xấu. Dù vậy, tỷ lệ nợ xấu chỉ tăng nhẹ từ 0.58% lên 0.62%..

HASECO đánh giá:

VCB tiếp tục duy trì vị thế dẫn đầu về lợi nhuận ròng trong nhóm ngân hàng. VCB đang có xu hướng tăng trưởng thu nhập lãi thuần và NIM so với quý trước. Điều này giống với xu hướng của ngân hàng quốc doanh khác là CTG. Điểm cộng là VCB ít nợ xấu hơn rõ rệt. Xét về định giá, VCB duy trì mức định giá cao top đầu trong nhóm ngân hàng.

Chỉ tiêu	Q1/2026	Q1/2025	+/- (%)
Thu nhập lãi thuần	17,651.08	13,687.15	29
Lãi/lỗ thuần từ dịch vụ	943.42	805.96	17
Lãi/lỗ thuần từ KD ngoại hối	1,677.74	2,023.94	(17)
Lãi/lỗ thuần từ mua bán CKKD	(7.14)	36.49	
Lãi/lỗ thuần từ mua bán CKĐT	-	-	
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác	857.11	662.88	29
Chi phí hoạt động	6,884.06	5,652.44	22
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	14,295.76	11,612.29	23
Chi phí dự phòng RRTD	2,493.10	752.36	231
Tổng lợi nhuận trước thuế	11,802.65	10,859.93	9
Lợi nhuận sau thuế	9,462.10	8,701.73	9
LNST của cổ đông	9,456.57	8,696.23	9
Ngân hàng mẹ			

Kết quả kinh doanh quý 1/2026 của VCB. Đvt: Tỷ đồng



3. CỔ PHIẾU

DIC Corp (HOSE: DIG) lỗ ròng 6.6 tỷ đồng quý 1

Tổng CTCP Đầu tư Phát triển Xây dựng (HOSE: DIG) ghi nhận doanh thu thuần quý 1 đạt gần 145 tỷ đồng, giảm 5% so với cùng kỳ do không còn đóng góp từ mảng bán thành phẩm. Dù vậy, mảng bất động sản vẫn duy trì vai trò chính với doanh thu hơn 86 tỷ đồng, tăng 8% YoY. Nhờ giá vốn giảm mạnh, lợi nhuận gộp đạt gần 40 tỷ đồng, tăng 36%, kéo biên lãi gộp cải thiện từ 19% lên trên 27%.

Tuy nhiên, áp lực chi phí tiếp tục ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh khi tổng chi phí tài chính, bán hàng và quản lý tăng 11% lên gần 85 tỷ đồng, khiến DIG ghi nhận lỗ ròng gần 7 tỷ đồng, thu hẹp so với mức lỗ hơn 35 tỷ đồng cùng kỳ.

Năm 2026, DIG đặt kế hoạch doanh thu 3,000 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 600 tỷ đồng, giảm lần lượt 37% và 27% so với năm trước. Doanh nghiệp dự kiến tập trung bán hàng tại các dự án Nam Vĩnh Yên (mở bán quý 3), CSJ (quý 2), Vị Thanh và Phú Thọ, đồng thời xem xét thoái vốn tại một số dự án và đơn vị thành viên.

Tại thời điểm cuối quý 1, tổng tài sản đạt 17.7 ngàn tỷ đồng (-7%), với tồn kho hơn 6.8 ngàn tỷ đồng (+3%). Nợ phải trả giảm 15% còn 7.6 ngàn tỷ đồng, trong đó dư nợ vay giảm 36%.

HASECO đánh giá:

Triển vọng lớn nhất của DIG phụ thuộc vào dự án Long Tân, Đồng Nai (331 ha). Tuy nhiên từ 2014-nay, dự án đã có 4 lần điều chỉnh kế hoạch và chưa thể hoàn thành công tác GPMB sau 15 năm. Điều này khiến chi phí GPMB của dự án ngày càng đẩy lên cao. Chúng tôi không đưa ra khuyến nghị với cổ phiếu DIG.

TỔNG CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
XÂY DỰNG VÀ CÁC CÔNG TY CON
Số 15 Đường, Thị Sạch, P. Vũng Tàu, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31-03-2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT Quý 1 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2026		Năm 2025	
			Quý 1	Lý kế	Quý 1	Lý kế
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL1	164.255.530.057	164.255.530.057	176.533.865.276	176.533.865.276
2. Các khoản giảm trừ	02	VL2	19.700.856.474	19.700.856.474	23.706.460.654	23.706.460.654
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10-01-03)	10	VL3	144.554.673.583	144.554.673.583	152.827.404.622	152.827.404.622
4. Giá vốn hàng bán	11	VL4	104.950.591.854	104.950.591.854	123.600.484.120	123.600.484.120
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		39.604.081.729	39.604.081.729	29.226.920.502	29.226.920.502
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL5	29.439.008.905	29.439.008.905	32.109.307.667	32.109.307.667
7. Chi phí tài chính	22	VL6	25.679.355.712	25.679.355.712	23.643.751.736	23.643.751.736
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		25.630.664.497	25.630.664.497	22.805.652.279	22.805.652.279
8. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên quan, liên kết	24		4.404.656.643	4.404.656.643	(24.546.929.444)	(24.546.929.444)
9. Chi phí bán hàng	25		12.893.875.469	12.893.875.469	8.795.107.998	8.795.107.998
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		46.314.891.738	46.314.891.738	44.168.295.725	44.168.295.725
11. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30=20-21-22-23-24-25)	30		(11.440.375.642)	(11.440.375.642)	(39.817.856.734)	(39.817.856.734)
12. Thu nhập khác	31	VL7	2.979.337.119	2.979.337.119	3.203.935.433	3.203.935.433
13. Chi phí khác	32	VL8	1.679.389.376	1.679.389.376	347.699.018	347.699.018
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.299.947.743	1.299.947.743	2.856.236.415	2.856.236.415
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (60=30+40-50)	60		(10.140.427.899)	(10.140.427.899)	(36.961.620.319)	(36.961.620.319)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.281.945.572	1.281.945.572	5.473.050.666	5.473.050.666
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(1.514.560.554)	(1.514.560.554)	3.006.703.083	3.006.703.083
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60-50-51)	60		(9.907.812.917)	(9.907.812.917)	(45.441.374.068)	(45.441.374.068)
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	70		(3.323.985.462)	(3.323.985.462)	(10.087.886.647)	(10.087.886.647)
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	71		(6.583.827.455)	(6.583.827.455)	(35.353.487.421)	(35.353.487.421)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)						

Báo cáo tài chính hợp nhất quý 1/2026 của DIG



4. NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

1. Thị trường chung:

VNIndex tiếp tục ghi nhận các nhịp biến động mạnh theo hướng tăng – giảm đan xen, chủ yếu chịu tác động từ nhóm cổ phiếu liên quan đến Vingroup. Thanh khoản duy trì ở mức thấp, phản ánh rõ trạng thái thận trọng và phần nào là tâm lý chán nản của nhà đầu tư sau giai đoạn biến động kéo dài.

Về thể giới, giá dầu trở lại mức trên \$100/thùng. Tuy nhiên, các chỉ số chứng khoán Mỹ như Nasdaq Composite và S&P 500 vẫn duy trì xu hướng tích cực và liên tiếp thiết lập các mức đỉnh mới. Điều này cho thấy dòng tiền toàn cầu đang dần thích nghi với môi trường giá năng lượng cao, qua đó làm giảm mức độ nhạy cảm của thị trường đối với biến động dầu.

Trong nước, mặt bằng lãi suất tiền gửi bước sang tháng 5 có xu hướng hạ nhiệt trên diện rộng. Đây được kỳ vọng là yếu tố hỗ trợ quan trọng giúp cải thiện dòng tiền trên thị trường tài sản, đặc biệt là chứng khoán – nơi đang chịu áp lực thiếu vắng dòng vốn mới trong thời gian qua.

Bên cạnh đó, mùa công bố kết quả kinh doanh quý 1 đã hoàn tất sau kỳ nghỉ lễ, qua đó góp phần giảm bớt yếu tố bất định và có thể giúp tâm lý nhà đầu tư dần ổn định trở lại, mở đường cho hoạt động giải ngân.

Về vận động, index khả năng sẽ khó vượt đỉnh cũ 1900 với mức thanh khoản như hiện tại, kịch bản sideway biên rộng 1750-1900 có thể xuất hiện. Tập trung lựa chọn cổ phiếu.

2. Nhóm cổ phiếu:

- Nhóm Vingroup: VIC VHM giảm mạnh, ảnh hưởng lớn lên chỉ số chung. Cần theo dõi kỹ hơn những phiên tới, nhóm Vin điều chỉnh sẽ là cơ hội để các nhóm cổ phiếu khác luân phiên.
- Thép: HPG đi ngang, tiếp tục củng cố nền giá 28. NĐT tiếp tục nắm giữ. HSG dù ra KQKD giảm tăng trưởng, nhưng hàng tồn kho tăng. Kỳ vọng Q2 sẽ phản ánh giá tôn tăng vào KQKD.
- Bank: BID VCB điều chỉnh lại, phủ nhận hoàn toàn phiên tăng mạnh trước đó. Đa số các ngân hàng còn lại đều điều chỉnh nhẹ và đi ngang. Cần sớm luân phiên trở lại, nếu gây nền sẽ tạo nên hiệu ứng xấu cho thị trường chung.
- BĐS: bật tăng cả nhóm ngành kéo theo khối lượng, đa số đều củng cố nền giá hiện tại, chỉ một số tên tuổi thể hiện tốt hơn như NTL TCH,... tích cực, cần theo dõi thêm.

3. Chiến lược hành động

- Nắm giữ khi các cổ phiếu vẫn đang ở nền tích lũy hoặc duy trì xu hướng tăng.
- Bổ sung thêm vị thế mới khi sự bùng nổ luân phiên trở lại với các nhóm cổ phiếu dẫn dắt mới hoặc cổ phiếu sẵn có.
- Giảm vị thế nếu đợt tích lũy sóng này bị thất bại, tức xuất hiện thêm các phiên phân phối dày đặc sau đó. Hiện chưa ghi nhận tín hiệu này.



5. SỰ KIỆN CỔ PHIẾU THÁNG 5

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	BVL	UPCoM	4/5/2026	5/5/2026		Trả cổ tức năm 2025 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 5:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
2	EID	HNX	4/5/2026	5/5/2026	29/05/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	TIP	HOSE	4/5/2026	5/5/2026	15/05/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	HSG	HOSE	4/5/2026	5/5/2026		Trả cổ tức năm 2025 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:30	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
5	PSC	HNX	4/5/2026	5/5/2026	26/05/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	S55	HNX	4/5/2026	5/5/2026	20/05/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	DHD	UPCoM	5/5/2026	6/5/2026	9/6/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 180 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	DHD	UPCoM	5/5/2026	6/5/2026		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:35	Thưởng cổ phiếu
9	MDG	HOSE	5/5/2026	6/5/2026	5/6/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	GEX	HOSE	5/5/2026	6/5/2026		Trả cổ tức năm 2025 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 4:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
11	GEX	HOSE	5/5/2026	6/5/2026		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 5:1	Thưởng cổ phiếu
12	PDB	HNX	5/5/2026	6/5/2026	20/05/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 4,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	GEE	HOSE	5/5/2026	6/5/2026		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 4:3	Thưởng cổ phiếu
14	TNG	HNX	6/5/2026	7/5/2026	22/05/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	NFC	HNX	7/5/2026	8/5/2026	18/05/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 5,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	TTC	HNX	7/5/2026	8/5/2026	20/05/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	PTG	UPCoM	7/5/2026	8/5/2026	11/6/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 5,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	MTP	UPCoM	7/5/2026	8/5/2026	29/05/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	PEQ	UPCoM	8/5/2026	11/5/2026	28/05/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	SPV	UPCoM	8/5/2026	11/5/2026	12/6/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	FMC	HOSE	11/5/2026	12/5/2026	20/05/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	SFN	HNX	11/5/2026	12/5/2026	12/6/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	TET	HNX	11/5/2026	12/5/2026	26/05/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 100 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	MAC	HNX	11/5/2026	12/5/2026		Trả cổ tức năm 2025 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
25	VSH	HOSE	13/05/2026	14/05/2026	29/05/2026	Trả cổ tức đợt 4/2025 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	CMS	HNX	19/05/2026	20/05/2026	15/06/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	SSC	HOSE	19/05/2026	20/05/2026	19/06/2026	Trả cổ tức đợt 2/2024 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	CID	UPCoM	19/05/2026	20/05/2026	12/6/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
29	SIV	UPCoM	21/05/2026	22/05/2026	8/6/2026	Trả cổ tức đợt 2/2025 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
30	SMB	HOSE	26/05/2026	27/05/2026	11/6/2026	Trả cổ tức đợt 3/2025 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt

(*) Nhà đầu tư lưu ý: Để nhận được quyền chi trả cổ tức, mua cổ phiếu phát hành thêm,... nhà đầu tư cần nắm giữ tới hết phiên giao dịch liền trước của "ngày GDKHQ".



CHÚC BẠN ĐẦU TƯ HIỆU QUẢ!

Liên hệ với chúng tôi:



www.haseco.vn



dvkh@haseco.vn



TP.HCM: +84 2839 207 800



Hải Phòng: +84 2253 842 332



Hà Nội: +84 2435 747 020

Mở tài khoản tại:



Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo này và toàn bộ các nhận định, đánh giá hoặc thông tin được đề cập trong nội dung chỉ mang tính chất cung cấp thông tin và không cấu thành, cũng như không được hiểu là lời mời chào, đề nghị hay khuyến nghị mua, bán hoặc nắm giữ bất kỳ sản phẩm tài chính hay chứng khoán nào được đề cập. Các nội dung trong báo cáo không phản ánh quan điểm hay khuyến nghị tư vấn đầu tư chính thức của Haseco. Nhà đầu tư cần tự đánh giá và chịu trách nhiệm đối với các quyết định đầu tư của mình, đồng thời chỉ nên sử dụng báo cáo này như một nguồn thông tin tham khảo. Haseco không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất hay rủi ro nào phát sinh trực tiếp hoặc gián tiếp từ việc sử dụng thông tin trong báo cáo này cho mục đích đầu tư.